

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 58/HALICO/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÓN RƯỢU HÀ NỘI**

Địa chỉ: 94 LÒ ĐÚC, PHƯỜNG PHẠM ĐÌNH HỒ, QUẬN HAI BÀ TRUNG,
HÀ NỘI

Địa chỉ nơi sản xuất: KCN YÊN PHONG, XÃ LONG CHÂU, HUYỆN YÊN
PHONG, TỈNH BẮC NINH

Điện thoại: 824.39763763

Fax: 824.39783575

Mobile: 0984258798

E-mail: cuongth@halico.com.vn/ hiennm@halico.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0100102245

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NÚT POLYME KÍCH THƯỚC 32 x 60**

2. Thành phần: Alluminum (Alloy 8011), HDPE, LDPE, PS, PC

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có hạn sử dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong túi nilon đóng
trong thùng carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất: Guala Closures Ukraine

- Địa chỉ: Ukraine, 4007 Sumy, Liniyna str., 18

III. Mẫu nhãn sản phẩm

TOP

☒ Litho
☐ Hot Foil
☐ Embossing
☐ Metalization

COLOURS

☐ Silver print
☐ Silver dark

SIDE

☒ Off-set
☐ Silk Screen
☒ Hot Foil
☐ Embossing
☐ Metalization

COLOURS

☐ Silver print
☐ Silver dark
☐ Silver foil

COLOUR CAP

☒ Red
☐ Transparent

COLOUR CASING

☐ Transparent

ARTWORK

ALUMINUM + PLASTIC

ALUSNAP

32 x 60

Halico

Designer: C.H.

Scale 1:1

APPROVAL BY CUSTOMER

Customer: HALICO

Full name: Tran Thanh Quynh

Position: Director

Data/signature/stamp: [Signature]

APPROVAL BY GUALA CLOSURES UKRAINE

Full name: _____

Position: _____

Data/signature/stamp: _____

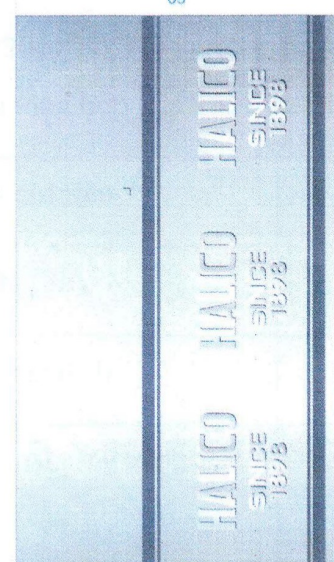
Ø22.8



Ø32.5



09



Scale 75%

Silver foil



Scale 75%

Silver foil



Maximum tolerance overlap during printing = 3 mm



Maximum tolerance overlap / traces = 3 mm



Maximum tolerance off - center = 1 mm



Maximum tolerance gap (opened space) = 0 mm



The colours are a computer generated representation and will not match exactly the final result



ALUMINUM + PLASTIC

ALUSNAP

32 x 60

Halico

Designer: C.H.

APPROVAL BY CUSTOMER

Customer

Full name

Position

Data/signature/stamp

APPROVAL BY GUALA CLOSURES UKRAINE

Full name

Position

Data/signature/stamp

Contract (agreement) №

from " 20 year

Please return this document to our Sales department with your signature and stamp.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Thử vật liệu: Chì (Pb)	µg/g	100
2	Thử vật liệu: Cadimi (Cd)	µg/g	100
3	Thôi nhiễm Kim loại nặng trong acid acetic 4% (ở 60 ⁰ trong 30 phút)	µg/ml	1
4	Hàm lượng KMnO ₄ sử dụng ngâm trong nước (ở 60 ⁰ trong 30 phút)	µg/ml	10
5	Hàm lượng cặn khô trong Ethanol 20% (ở 60 ⁰ trong 30 phút)	µg/ml	30
6	Hàm lượng cặn khô trong acid acetic 4% (ở 60 ⁰ trong 30 phút)	µg/ml	30

- QCVN 12-3:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng cặn khô trong Ethanol 20% (ở 60 ⁰ trong 30 phút)	µg/ml	30

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2019

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Trần Hậu Cường



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.07.29.1552

- Tên mẫu/Name of sample : Nút Polyme kích thước 32×60 (được sản xuất tại Guala Closures Ukraine) – phần kim loại
- Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty cổ phần cồn rượu Hà Nội
Name/Address of customer 94 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Mô tả mẫu/Description : /
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample : 29/07/2019
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s) : Khách hàng tự gửi mẫu/ By customer
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities : 29/07/2019 - 31/07/2019
- Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Thôi nhiễm Asen (trong nước ở 60°C/30 phút) / Elution of Arsenic (in water at 60°C/30 min)	PL3.QCVN12-3:2011/BYT AAS-ICP	µg/mL	< 0,02	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 0,2 µg/mL
2	Thôi nhiễm Asen (trong acid citric 0,5% ở 60°C/30 phút) / Elution of Arsenic (in citric acid 0.5% at 60°C/30 min)	PL3.QCVN12-3:2011/BYT AAS-ICP	µg/mL	< 0,02	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 0,2 µg/mL
3	Thôi nhiễm Cadimi (trong nước ở 60°C/30 phút) / Elution of Cadmium (in water at 60°C/30 min)	PL2.QCVN12-3:2011/BYT AAS-ICP	µg/mL	< 0,05	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 0,1 µg/mL
4	Thôi nhiễm Cadimi (trong acid citric 0,5% ở 60°C/30 phút) / Elution of Cadmium (in citric acid 0.5% at 60°C/30 min)	PL2.QCVN12-3:2011/BYT AAS-ICP	µg/mL	< 0,05	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 0,1 µg/mL
5	Thôi nhiễm Chì (trong nước ở 60°C/30 phút) / Elution of Lead (in water at 60°C/30 min)	PL2.QCVN12-3:2011/BYT AAS-ICP	µg/mL	< 0,05	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 0,4 µg/mL
6	Thôi nhiễm Chì (trong acid citric 0,5% ở 60°C/30 phút) / Elution of Lead (in citric acid 0.5% at 60°C/30 min)	PL2.QCVN12-3:2011/BYT AAS-ICP	µg/mL	< 0,05	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 0,4 µg/mL

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2019/ Hanoi, 31 July, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHUẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIANOSTICS AND TESTING

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Ths. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.07.29.1552

- Tên mẫu/Name of sample : **Nút Polyme kích thước 32×60 (được sản xuất tại Guala Closures Ukraine) – phần nhựa tổng hợp**
- Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty cổ phần cồn rượu Hà Nội;
Name/Address of customer : 94 Lò Đức, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Mô tả mẫu/Description : /
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample : 29/07/2019
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s) : Khách hàng tự gửi mẫu/ By customer
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities : 29/07/2019 - 31/07/2019
- Kết quả thử nghiệm/Test results :

No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Thử vật liệu : Chì (Pb) Materials testing: Lead (Pb)	PL1.1 QCVN12-1:2011/BYT	µg/g	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 100
2	Thử vật liệu : Cadimi (Cd) Materials testing: Cadmium (Cd)	PL1.1 QCVN12-1:2011/BYT	µg/g	< 0,2	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 100
3	Thôi nhiễm Kim loại nặng (trong acid acetic 4% ở 60°C/30 phút) Elution of heavy metal (in 4% acetic acid at 60°C for 30 min)	PL2.1 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 1
4	Hàm lượng KMnO ₄ sử dụng (trong nước ở 60°C/30 phút) Quantity of KMnO ₄ consumed (in water at 60°C for 30 min)	PL2.2 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 10
5	Hàm lượng cặn khô (trong Heptan ở 25°C/1 giờ); Evaporation residue (in Heptan at 25°C for 1 hour)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30
6	Hàm lượng cặn khô (trong etanol 20% ở 60°C/30 phút) Evaporation residue (in acetic ethanol 20% at 60°C for 30 min)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30
7	Hàm lượng cặn khô (trong Nước ở 60°C/30 phút); Evaporation residue (in water at 60°C for 30 min)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30
8	Hàm lượng cặn khô (trong acid acetic 4% ở 60°C/30 phút); Evaporation residue (in acetic acid 4% at 60°C for 30 min)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2019 / Hanoi, 31 July, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHUẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Ths. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.